

Liên chính tư pháp và sự độc lập của tòa án

Sự độc lập của Tòa án và của thẩm phán trong quá trình xét xử là điều kiện quan trọng đảm bảo cho liên chính tư pháp.

Cộng đồng quốc tế thống nhất rằng một nền tư pháp độc lập là nền tảng cho sự thịnh vượng của nền kinh tế quốc gia và thế giới, bởi vì:

Một nền tư pháp độc lập là một quy chuẩn cơ bản của con người mà tất cả các thành viên của Liên Hợp Quốc phải đảm bảo cho công dân của mình.

Công dân mong đợi các thẩm phán đưa ra phán quyết chỉ dựa trên sự thật và pháp luật mà không chịu ảnh hưởng bởi bất kỳ tác động bất hợp pháp nào.

Khuôn khổ pháp lý của Việt Nam đảm bảo cho sự độc lập của các hoạt động tư pháp, được thể hiện rõ trong Hiến pháp, luật và nghị quyết của Đảng:

Theo Nghị quyết 49-NQ/TW năm 2005 của Bộ Chính trị, “phân định rõ thẩm quyền quản lý hành chính với trách nhiệm quản hạn tư pháp trong hoạt động tố tụng tư pháp theo hướng tăng quyền và trách nhiệm cho điều tra viên, kiểm sát viên và thẩm phán để họ chủ động trong thực thi nhiệm vụ, nâng cao tính độc lập và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi và quyết định tố tụng của mình”.

Theo Hiến pháp 2013, “Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm” (Điều 103, Khoản 3).

Theo Bộ luật Tố tụng Hình sự, “Khi xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật” (Điều 16).

Bên cạnh đó, các cơ quan Lập pháp và Hành pháp phải tạo mọi điều kiện để cơ quan Tư pháp được hoạt động độc lập bởi sự vận hành thành công của các cơ quan Lập pháp và Hành pháp phụ thuộc vào sự phối hợp nhịp nhàng và cơ chế tự quản trong hệ thống tư pháp.

Tăng cường sự độc lập của Tòa án

Một điểm mới trong Hiến pháp 2013 so với Hiến pháp 1992 đó là: Điều 102 Hiến pháp 2013 quy định “Tòa án là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quản tư pháp”. Đây là cơ sở pháp lý để xác định rõ ràng:

(1) **vai trò của Tòa án là cơ quan thực hiện quản tư pháp**

(2) **sự độc lập của Tòa án bên cạnh các cơ quan hành pháp và lập pháp.**

Tuy nhiên, “sự độc lập” của Tòa án cần được thể hiện bằng việc cụ thể hóa “quản tư pháp” của tòa án trong Luật Tổ chức Tòa án nhân dân. Theo quy định của Hiến pháp 1992, hệ thống tòa án được tổ chức 3 cấp theo địa giới hành

chính địa phương từ cấp huyện tới cấp tỉnh và Tòa án nhân dân Tối cao. Hiến pháp 2013 đã sửa đổi theo quan điểm của Nghị quyết 49/NQ-TW năm 2005 của Bộ Chính trị về cải cách tư pháp, **xác định hệ thống tòa án theo cấp xét xử không phụ thuộc vào địa giới hành chính**. Theo đó, hệ thống tòa án được Luật tổ chức TAND 2014 sửa đổi theo hướng quy định tòa án theo 4 cấp:

(i) TAND Tối cao là cấp xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm cao nhất và làm nhiệm vụ tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn áp dụng pháp luật

(ii) TAND cấp cao là cấp xét xử phúc thẩm và có thẩm quyền xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm và tái thẩm

(iii) TAND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là cấp xét xử phúc thẩm và xét xử sơ thẩm một số loại án mà cấp sơ thẩm không có thẩm quyền xét xử sơ thẩm

(iv) TAND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương là cấp xét xử sơ thẩm.

Như vậy, hiện nay chỉ còn TAND cấp tỉnh, huyện là gắn với địa giới hành chính.

Các khó khăn, vướng mắc chính trong việc xét xử độc lập và chấp hành theo pháp luật của Tòa án hiện nay

Việc tuyển chọn, bổ nhiệm thẩm phán, quy định về ngạch bậc, chế độ đãi ngộ với thẩm phán

Sức ép từ chính quyền địa phương; sức ép từ các cơ quan điều tra (Công an, Viện kiểm sát)

Hội đồng xét xử luôn phải thích nghi với các mối quan hệ “nhạy cảm”

Một tiến bộ đã tồn tại từ nhiều năm nay ở cấp địa phương và cơ quan trung ương đó là hợp bàn giải quyết các vụ án, tiến độ điều tra, truy tố...nhất là đối với án hình sự giữa Công an, Tòa án và Viện kiểm sát.

Những khó khăn cốt lõi cần được giải quyết

(i) Vướng mắc về quan điểm độc lập của tòa án

Về quan điểm độc lập của tòa án, có ý kiến cho rằng căn cứ vào tình hình thực tế ở Việt Nam thì không có độc lập tuyệt đối vì hoạt động của tòa án đều chịu sự lãnh đạo của Đảng; bởi vậy, tính độc lập chỉ là tương đối. Tuy nhiên, không vì thế mà đổ cho các hành vi can thiệp trái pháp luật vào hoạt động xét xử của tòa án tồn tại như quy định tại Khoản 2 Điều 103 Hiến pháp 2013 “Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chấp hành theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm”.

(ii) Sự bất hợp lý trong hệ thống tổ chức của tòa án

(iii) Sự phân định chức năng của ngành tòa án và giữa tòa án các cấp

Giới pháp để vận dụng đầy đủ nguyên tắc độc lập của tòa án vào hoạt động xét xử

Các ý kiến khuyến nghị đưa ra tại hội thảo "Liên chính trong hoạt động Tư pháp: các tiêu chuẩn quốc tế và pháp luật Việt Nam" cho rằng cần thực hiện một số biện pháp từ tổ chức cán bộ đến cơ sở vật chất, từ đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực đến xây dựng và hoàn thiện các thủ tục xét xử, cụ thể như sau:

Các thẩm phán và hội thẩm nhân dân phải nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, giữ gìn đạo đức và lương tâm nghề nghiệp. Đồng thời, cần rút ngắn các thủ tục bổ nhiệm thẩm phán, giảm các thủ tục và sự can thiệp của các cơ quan chính quyền địa phương. Cần có quy định rõ ràng về trách nhiệm của thẩm phán, kịp thời động viên và xử lý kỷ luật khi có vi phạm phạm vi đạo đức hoặc năng lực xét xử yếu kém.

Xây dựng và củng cố các cơ quan, tổ chức hỗ trợ tư pháp vững mạnh. Thực tế xét xử cho thấy hoạt động của các cơ quan hỗ trợ tư pháp như luật sư, công chứng, giám định, hộ tịch... tuy không phải trực tiếp quyết định các bản án nhưng sự khách quan, kịp thời, chính xác của hoạt động hỗ trợ tư pháp sẽ góp phần bảo đảm chất lượng xét xử và sự khách quan của tòa án.

Tăng cường cơ sở vật chất, chế độ chính sách thật đáng đời với cán bộ tòa án nói chung và thẩm phán nói riêng; tăng cường biện pháp, cơ chế phòng chống tiêu cực trong hoạt động xét xử.

Xây dựng hệ thống pháp luật hoàn chỉnh không chồng chéo, mâu thuẫn với nhau; các văn bản hướng dẫn và giải thích kịp thời, tạo điều kiện cho thẩm phán và hội thẩm khi xét xử có cơ sở vững chắc là chỉ tuân theo pháp luật.

Hệ thống tòa án được tổ chức theo cấp xét xử và khu vực là hợp lý hơn vì tránh được một số hạn chế đã nêu ở trên nếu tòa án được tổ chức theo cấp chính quyền địa phương. Theo đó, hệ thống tòa án nên được tổ chức theo ba cấp: tòa án sơ thẩm khu vực, tòa án phúc thẩm khu vực và tòa án nhân dân tối cao. Đồng thời, phân quyền nhiều hơn cho tòa án sơ thẩm và phúc thẩm khu vực. Đối với tòa án nhân dân tối cao, việc chuyển động, hoàn thành tất nhiệm vụ đã được quy định tại Điều 104 Hiến pháp 2013 là giám đốc thẩm việc xét xử, thực hiện việc tổng kết thực tiễn xét xử, đảm bảo áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử; tuy nhiên việc xét xử giám đốc thẩm, phúc thẩm của Tòa án tối cao chỉ là những trường hợp thật cần thiết.

Liên quan đến chế độ của tòa án cấp trên, cần phải quán triệt nội dung của nguyên tắc độc lập và chỉ tuân theo pháp luật của thẩm phán trong mối quan hệ giữa cấp trên với cấp dưới. Hiện nay, hệ thống tòa án thể hiện rõ mối quan hệ giữa cấp trên và cấp dưới, tòa án cấp trên quản lý tòa án cấp dưới cả về tổ chức và tài chính và chế độ chuyên môn nghiệp vụ. Điều này đòi hỏi TANDTC phải chế độ tách bạch các mối quan hệ trong hoạt động nghiệp vụ. Mối quan hệ giữa tòa án cấp trên và tòa án cấp dưới chỉ nên là mối quan hệ tập trung, thực hiện theo quy định của pháp luật, không phải mối quan hệ quản lý hành chính. Tòa án cấp trên chỉ nên hướng dẫn tòa án cấp dưới về áp dụng thống nhất pháp luật, chứ không quyết định hoặc gợi ý cho tòa án cấp dưới khi xét xử một vụ án cụ thể.

Tăng cường tính độc lập của thẩm phán trong hoạt động xét xử

Đây chính là một trong những yêu cầu để nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp như Nghị quyết 49-NQ/TW năm 2005 của Bộ Chính trị và Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã xác định.

Việc đổi mới tổ chức và hoạt động của tòa án là rất cần thiết, trong đó phải bắt đầu từ các thẩm phán, những người đại diện cho công lý, bảo vệ công lý. Thẩm phán phải độc lập trong hoạt động xét xử và chỉ tuân theo pháp luật. Trong xét xử, tính độc lập của thẩm phán phải là sự gắn kết tuyệt đối của các thẩm phán với pháp luật. Khi phán quyết, thẩm phán chỉ dựa vào pháp luật và niềm tin nội tâm. Ở Việt Nam, hoạt động xét xử còn có sự tham gia của Hội thẩm nhân dân, vì vậy, nguyên tắc độc lập không chỉ liên quan đến thẩm phán mà cả hội thẩm.

Độc lập xét xử được xem xét từ các khía cạnh, yêu tố bên trong và bên ngoài.

Yêu tố bên ngoài

Khi xét xử, thẩm phán và hội thẩm không bị phụ thuộc vào kết luận của cơ quan điều tra, cáo trạng và quyết định truy tố của Viện kiểm sát hay những mối quan hệ khác với các luật sư, các cơ quan Nhà nước và tổ chức xã hội. Tại phiên tòa, thẩm phán không chỉ căn cứ vào hồ sơ vụ án mà phải trực tiếp xem xét những chứng cứ của vụ án, trên cơ sở đó cân nhắc và căn cứ vào các quy định pháp luật để đưa ra bản án khách quan, chính xác.

Tuy nhiên, thực tiễn ở Việt Nam cho thấy: Trong quá trình xét xử một số vụ án, thẩm phán nhiều khi không làm chỉ được tình hình. Đặc biệt, qua thẩm vấn tranh tụng, thẩm phán thấy nhiều tình tiết lẽ ra có thể tuyên bị cáo vô tội (Điều 39, Bộ Luật TTHS) nhưng dưới áp lực của một số cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan, thẩm phán đồng ý trở hồ sơ để điều tra lại thay vì ra quyết định trực tiếp dựa trên các quy định của pháp luật và phân tích, phán đoán của bản thân. Để làm chỉ được tình hình, đòi hỏi thẩm phán phải có bản lĩnh để đứng vững trước các yêu tố tác động từ bên ngoài, không cho phép các cá nhân, cơ quan khác can thiệp vào việc xét xử; hệ thống tòa án nên được độc lập với chính quyền địa phương; đồng thời, tiến tới xóa bỏ việc trao đổi án, thanh thị án giữa các cơ quan tố tụng.

Trong hoạt động xét xử, các thẩm phán đại diện cho quyền lực xét xử, thực hiện quyền xét xử để đem lại công bằng cho xã hội; quyết định của thẩm phán chứa đựng trách nhiệm không chỉ của cá nhân thẩm phán mà cả trách nhiệm xã hội. **Điều này đòi hỏi phải có sự giám sát chặt chẽ quá trình xét xử của thẩm phán bởi các cơ quan chức năng và TANDTC; đặc biệt là sự giám sát của nhân dân. Độc lập nhưng vẫn có sự giám sát để tránh tình trạng lạm quyền.** Do đó,

cần tăng cường vai trò giám sát của các đoàn đại biểu Quốc hội, của HĐND cấp tỉnh và quận/huyện đối với hoạt động xét xử của tòa án; nâng cao chất lượng hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng trong việc tuyên truyền, cung cấp thông tin về hoạt động xét xử của thẩm phán. Đồng thời, tạo điều kiện để nhân dân được tham dự các phiên tòa xét xử của tòa án, từ đó nâng cao nhận thức hiểu biết về pháp luật để chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và bảo vệ quyền dân chủ của công dân. Cũng qua đó, người dân góp phần giám sát quá trình xét xử của tòa án, thẩm phán. Điều đó nói lên hoạt động xét xử của thẩm phán tuy độc lập nhưng vẫn chịu sự giám sát của nhân dân.

Mặt khác, trong bối cảnh hiện nay, nhiều tòa án ở địa phương còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, về nhân lực, về địa hình địa lý... để đưa công lý tiếp cận tới người dân. Do vậy, cần tăng cường bố trí các phiên tòa lưu động về các địa phương. Thông qua những phiên tòa đó, tòa án không chỉ thực hiện được chức năng xét xử mà còn đem đến cho nhân dân những cơ hội để hiểu biết pháp luật. Cũng từ đó đạt được mục đích phòng ngừa, đồng thời thể hiện được tính công khai minh bạch của hoạt động xét xử.

Đạo đức, phẩm chất của thẩm phán

Đạo đức, phẩm chất của thẩm phán cũng đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường tính độc lập của thẩm phán khi xét xử. Mặc dù đã có các quy định và ứng xử cho tất cả cán bộ tòa án bao gồm cả các quy định và xung đột lợi ích và kê khai tài sản; tuy nhiên, thực tế cho thấy vẫn còn thiếu các quy định về một số vấn đề quan trọng như: những hạn chế sau khi thôi giữ chức vụ và những quy định cụ thể về vai trò và trách nhiệm đặc thù của thẩm phán. Trong khi đó, tính chất công việc đòi hỏi các thẩm phán phải là người có đạo đức, nhân cách trong sáng; có năng lực chuyên môn tốt, được mọi người kính trọng; có tinh thần dũng cảm trong việc đấu tranh bảo vệ công lý, bảo vệ niềm tin.

Thẩm phán không chỉ có hiểu biết pháp luật mà còn cần có ý thức pháp luật cao hơn những người khác; có tư duy và khả năng vận dụng pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý đặt ra. Năng lực xét xử và đạo đức, phẩm chất trong sáng không thể tách rời nhau trong con người thẩm phán; do đó cần hạn chế việc các thẩm phán chỉ chú ý phần đầu có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao nhưng lại không coi trọng đạo đức và lương tâm nghề nghiệp. Điều này dễ dẫn đến độc tài trong xét xử. Ngược lại, nếu thẩm phán chỉ có phẩm chất đạo đức và lương tâm nghề nghiệp tốt nhưng chuyên môn nghiệp vụ không giỏi thì cũng khó đảm bảo sự xét xử độc lập do không đủ năng lực bảo vệ pháp luật; hoặc dễ dàng bị cám dỗ về vật chất.

Do vậy, cần có một bộ quy tắc đạo đức đối với thẩm phán quy định rõ ràng và cụ thể về các chuẩn mực đạo đức, hành vi thẩm phán không được làm hoặc phải tránh để bảo đảm sự liêm chính của thẩm phán. Bộ quy tắc này cũng sẽ là cơ sở để xem xét và xử lý kỷ luật thẩm phán.

Về tuyển chọn, bổ nhiệm thẩm phán

Đã hoàn thành được những nhiệm vụ và trọng trách của thẩm phán như đã phân tích ở trên, phải xây dựng một đội ngũ thẩm phán có tâm và có chuyên môn nghiệp vụ cao thông qua việc tuyển chọn thẩm phán phải là những người có đủ các tiêu chuẩn theo yêu cầu của công việc và theo quy định của pháp luật. Các tiêu chuẩn phải được quy định cụ thể từ trước về chất lượng, năng lực, chuyên môn và phẩm chất cá nhân.

Ngoài việc cần có sức khỏe, tinh thần trách nhiệm cao, có khả năng phân tích và phán đoán, có đạo đức nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có kinh nghiệm thực tế đã trải qua công tác trong ngành luật và đáp ứng độ tuổi theo tiêu chuẩn bổ nhiệm; Việt Nam cũng có thể nghiên cứu, xem xét học tập và áp dụng kinh nghiệm của một số nước trên thế giới đã làm, đó là: bổ nhiệm thẩm phán suốt đời để cho các thẩm phán yên tâm xác định rõ trách nhiệm, phấn đấu vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ đấu tranh bảo vệ công lý. Tuy nhiên, xét trên điều kiện thực tế của Việt Nam, duy trì nhiệm kỳ đối với thẩm phán vẫn là một biện pháp hợp lý, trong đó chú ý tới cơ chế tái bổ nhiệm làm đầu thành cơ chế đương nhiên được tái bổ nhiệm trừ trường hợp có những sai phạm nghiêm trọng.

Do vậy, cần có qui chế bổ nhiệm khách quan, minh bạch. Việc này có thể thực hiện được thông qua việc thành lập một hội đồng quốc gia bao gồm những thẩm phán, hội thẩm nhân dân có kinh nghiệm, các luật sư giỏi và có kinh nghiệm công tác. Hội đồng này phải độc lập và có quá trình minh bạch riêng. Có ý kiến đề xuất nên nghiên cứu việc lựa chọn thẩm phán từ giới luật sư, như kinh nghiệm của Hoa Kỳ./.

Nguồn: Báo cáo tổng kết Hội thảo “*Liên chính trong hoạt động Tư pháp: các tiêu chuẩn quốc tế và pháp luật Việt Nam*” do Tổ chức Hướng tới Minh bạch – TT và Viện Chính sách công và Pháp luật – IPL phối hợp tổ chức ngày 10/10/2014.

Ảnh: Tác giả Nguyễn Quang Phan, giới khuyến khích cuộc thi “Vẽ tranh biếm họa tài công khai, minh bạch trên báo chí”.